

Bản án số: 25/2020/HS-ST
Ngày 13 - 8 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thuận và ông Đinh Xuân Phẫu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quang Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Ngọc H, sinh ngày 25/8/1985 tại huyện H, tỉnh Nghệ An; nơi ĐKKHKT: thôn Đ, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc C và bà Dương Thị X (đã chết); vợ Hoàng Thị H, có 01 đứa con, sinh năm 2011; tiền án; tiền sự: không; nhân thân: ngày 29/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS-ST và hiện bị cáo đang chấp hành án hình phạt cải tạo không giam giữ kể từ ngày 14/7/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Anh Đoàn Tiến D, sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Ông Nguyễn Hải K, sinh năm 1955

Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Anh Cao Văn T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Ông Phạm Trung T, sinh năm 1957

Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn Đồng Lê, Tuyên Hóa, Quảng Bình, vắng mặt.

Bà Trần Thị Ái V, sinh năm 1969

Địa chỉ: thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967

Địa chỉ: thôn M, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2013, tại thành phố Hà Nội, Lê Ngọc H có gặp anh Nguyễn Đức H, trú tại xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương và được H giao cho một giấy giới thiệu có chữ ký và dấu của giám đốc Trung tâm xuất khẩu lao động và dịch vụ Petromanning chi nhánh Công ty cổ phần phát triển nguồn lực và dịch vụ dầu khí Việt Nam để môi giới tư vấn xuất khẩu lao động đi nước ngoài. Mặc dù không phải là người của công ty trên, nhưng H đã ghi tên của mình vào giấy giới thiệu với chức vụ là nhân viên rồi thực hiện việc môi giới xuất khẩu lao động đi nước ngoài. Khoảng tháng 3 năm 2013, thông qua ông Phạm Trung T, Lê Ngọc H đã gặp và tư vấn đi xuất khẩu lao động nước ngoài cho anh Phạm Ngọc T và Đoàn Tiến D, đều trú tại xã P huyện T. Hóa giới thiệu mình đang làm môi giới tuyển dụng xuất khẩu lao động cho Trung tâm xuất khẩu lao động và dịch vụ Petromanning chi nhánh Công ty cổ phần phát triển nguồn lực và dịch vụ dầu khí Việt Nam, trực tiếp tuyển dụng lao động đi nước ngoài. Tin lời giới thiệu của H, anh T và anh D đã đồng ý sẽ nộp tiền chi phí mỗi người 35.000.000 đồng để được Hóa tư vấn làm hồ sơ đi lao động tại nước Ả Rập Xê Út.

Ngày 09/3/2013, Hóa gọi điện thoại cho anh T và anh D bảo ra Hà Nội để khám sức khỏe và học định hướng nghề nghiệp, trên đường đi H yêu cầu T và D nộp tiền đặt cọc, mỗi người 15.000.000 đồng. Vì không mang theo đủ tiền, nên anh T đã điện thoại cho mẹ mình bà Nguyễn Thị M bảo mang số tiền 30.000.000 đồng của hai người lên nhờ ông Phạm Trung T gửi cho H qua Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Tuyên Hóa. Trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2013, H đã nhiều lần hướng dẫn anh T và anh D đi Hà Nội khám sức khỏe, làm hồ sơ định hướng nghề nghiệp và các thủ tục liên quan.

Ngày 16/4/2013, theo địa điểm đã hẹn, anh T mang theo số tiền 15.000.000 đồng và D mang theo số tiền 20.000.000 đồng vào thành phố Đ để giao cho H. Tại đây H đã viết giấy nhận tiền cả hai lần cho anh T và anh D, mỗi người số tiền 35.000.000 đồng (số tiền 5.000.000 đồng anh T còn thiếu, anh T và H thỏa thuận sẽ nộp sau khi xuất cảnh). Đồng thời anh T và anh D đã ký kết hợp đồng xuất khẩu lao động tại nước Ả Rập do H đưa ra mang tên Công ty cổ phần dịch vụ dầu khí Petromanning ở Hà Nội, theo thỏa thuận thời gian xuất cảnh chậm nhất đến ngày 05/7/2013. Tuy nhiên đến thời gian đã cam kết anh T và anh D không đi xuất khẩu lao động như H đã hứa hẹn.

Cũng trong thời gian và với thủ đoạn như trên, Hóa đã thông qua việc môi giới làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động nước ngoài để chiếm đoạt của ông Nguyễn Hải Khản, trú tại Tiểu khu 2, thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa, số tiền 20.000.000 đồng

để làm hồ sơ cho con trai của ông Khẩn là Nguyễn Văn Hóa đi xuất khẩu lao động nước ngoài.

Ngày 22/12/2014 Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Tuyên Hóa ra Quyết định khởi tố vụ án và ngày 23/12/2014 ra Quyết định khởi tố bị can đối với Lê Ngọc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tuy nhiên, sau khi gây án, H đi lao động xuất khẩu tại nước Đức vào thời gian giữa năm 2014 đến ngày 17/01/2020, H đến đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa về hành vi phạm tội của mình.

Ngoài hành vi phạm tội trên, H còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại địa bàn huyện B. Ngày 29/5/2020 Tòa án nhân dân huyện B đã xét xử bị cáo với mức án 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Tại bản kết luận số 203/PC09 ngày 13/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: chữ viết trên giấy giới thiệu số 07/GT của Trung tâm xuất khẩu lao động và dịch vụ Petromanning và bản tự khai của Lê Ngọc H lập ngày 04/02/2020 là do cùng một người viết ra.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuyên Hóa đã thu giữ 01 giấy giới thiệu số 07/GT của Trung tâm xuất khẩu lao động và dịch vụ Petromanning chi nhánh Công ty cổ phần phát triển nguồn lực và dịch vụ dầu khí Việt Nam mang tên Lê Ngọc H; Thu giữ và trả lại cho anh Phạm Ngọc T và Đoàn Tiến D số tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam, mỗi người 15.000.000 đồng, số tiền này do Lê Ngọc H tự nguyện giao nộp.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra Lê Ngọc H đã bồi thường đầy đủ toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt cho các bị hại.

Tại bản Cáo trạng số 26/CT-VKSTH-HS ngày 18/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình đã truy tố Lê Ngọc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu luận tội giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p, r khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; tiết 1 điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 31; Điều 47 và Điều 51 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt Lê Ngọc H từ 30 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ; Về trách nhiệm dân sự: không xem xét; buộc bị cáo Lê Ngọc H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến

hoặc khiếu nại gì. Vì vậy hành vi và các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Với động cơ, mục đích háms lợi, bị cáo đã có hành vi gian dối thông qua việc môi giới xuất khẩu lao động để chiếm đoạt tài sản.

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập và được thẩm tra tại phiên toà. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại là 85.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện vào tháng 3 năm 2013, thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 đang có hiệu lực pháp luật, nên việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định của Bộ luật hình sự 1999 là phù hợp. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ về thời gian, địa điểm, loại tài sản, giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định bị cáo Lê Ngọc Hóa phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Như vậy quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là cố ý trực tiếp chiếm đoạt tài sản của anh Phạm Ngọc T, Đoàn Tiến D và ông Nguyễn Hải K, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội cần được xử lý nghiêm. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo là thanh niên có sức khỏe, có trình độ học thức, thế nhưng lại không chịu khó lao động chân chính tạo thu nhập hợp pháp, ngược lại bị cáo có ý thức coi thường pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy cần căn cứ các quy định của Bộ luật hình sự để quyết định mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[3] Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại tiết 1 điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng xem xét cho bị cáo quá trình điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; số tiền sau khi thu của những người bị hại bị cáo không trực tiếp sử dụng mà nộp lại cho anh H, bị cáo chỉ hưởng hoa hồng, tuy nhiên bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho các bị hại; quá trình sinh sống tại địa phương, tháng 7 năm 2020 bị cáo đã hợp tác, cung cấp thông tin có giá trị cho Công an huyện Bố Trạch phát hiện, bắt giữ và khởi tố vụ án “Chứa mại dâm” tại địa bàn Thị trấn P, huyện B được Cơ quan Công an huyện B xác nhận. Ngoài ra bố, mẹ bị cáo đều là người có công với cách mạng, bị cáo sau khi bỏ trốn đã tự đến Cơ quan Công an để đầu thú về hành vi phạm tội của mình, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng đang sống chung cùng bố già trên 80 tuổi, vợ của bị cáo hiện đang mang thai. Vì vậy cần căn cứ điểm b, p, r khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định, nên cần áp dụng 31; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung 2009 để xét xử bị cáo mức hình

phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đã đủ nghiêm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo hiện không có việc làm ổn định, thu nhập thấp nên cần miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt.

[4] Về vật chứng vụ án: Xét thấy 01 giấy giới thiệu số 07/GT của Trung tâm xuất khẩu lao động và dịch vụ Petromanning chi nhánh Công ty cổ phần phát triển nguồn lực và dịch vụ dầu khí Việt Nam mang tên Lê Ngọc H mà Cơ quan điều tra đã thu giữ là tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị hại Phạm Ngọc T, Đoàn Tiến D và ông Nguyễn Hải K đã nhận lại đầy đủ số tiền do bị cáo bồi thường, cho đến tại phiên tòa không có yêu cầu gì thêm. nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Trong vụ án này có ông Cao Văn có đơn tố cáo Lê Ngọc H bằng thủ đoạn gian dối trong môi giới tư vấn xuất khẩu lao động đã chiếm đoạt của ông số tiền 15.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình điều tra không có đủ căn cứ để xử lý và ông Trường cũng đã không có yêu cầu gì.

Ngoài ra, theo lời khai của bị cáo, đối tượng Nguyễn Đức H là người đã giới thiệu và đưa giấy giới thiệu của Trung tâm xuất khẩu lao động và dịch vụ Petromanning chi nhánh Công ty cổ phần phát triển nguồn lực và dịch vụ dầu khí Việt Nam cho Lê Ngọc H điền thông tin và thực hiện việc môi giới tư vấn xuất khẩu lao động. Tuy nhiên quá trình điều tra chưa xác định được nơi ở của H, nên chưa đủ cơ sở để xử lý.

Đối với hành vi sử dụng giấy giới thiệu giả mang tên Trung tâm xuất khẩu lao động và dịch vụ Petromanning chi nhánh Công ty cổ phần phát triển nguồn lực và dịch vụ dầu khí Việt Nam của bị cáo, quá trình điều tra xác minh không có tên Trung tâm này, mặt khác, giấy giới thiệu do Nguyễn Đức H giao cho H, nên không đủ căn cứ để xử lý bị cáo về hành vi sử dụng tài liệu, con dấu giả của cơ quan, tổ chức.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Lê Ngọc H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p, r khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 31; Điều 47; tiết 1 điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc H phạm tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

2. Về hình phạt: Xử phạt Lê Ngọc H 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ. Tổng hợp hình phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS-ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách. Hình phạt chung của hai bản án buộc bị cáo phải chấp hành là 36 (ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày

bị cáo chấp hành hình phạt của bản án số 29/2020/HS-ST ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, ngày 14/7/2020.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Giao bị cáo Lê Ngọc H cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình phối hợp cùng gia đình giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

3. Về xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án 01 giấy giới thiệu số 07/GT của Trung tâm xuất khẩu lao động và dịch vụ Petromanning chi nhánh Công ty cổ phần phát triển nguồn lực và dịch vụ dầu khí Việt Nam mang tên Lê Ngọc H.

4. Về trách nhiệm dân sự: Miễn xét.

5. Án phí: Buộc bị cáo Lê Ngọc H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với người có mặt hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ đối với người vắng mặt./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Tuyên Hoá;
- Công an huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS Tuyên Hóa;
- Bị cáo; bị hại, người có QLNVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Hữu Tình